



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN THỊ BÍCH HẠNH

**NGHIÊN CỨU SỰ VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH
KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT ĐỨC**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KẾ TOÁN

Mã số: 60.34.03.01

Đà Nẵng – Năm 2017

Công trình được hoàn thành tại
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐHQĐHN

Người hướng dẫn khoa học : PGS.TS.NGUYỄN CÔNG PHƯƠNG

Phản biện 1: PGS. TS. Lê Đức Toàn

Phản biện 2: PGS. TS. Ngô Hà Tấn

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
thạc sĩ Kế toán học tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng
vào ngày 17 tháng 05 năm 2017

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, ĐHQĐHN

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hệ thống kế toán Việt Nam dần đã có những đổi mới, hoàn thiện, cải tiến không ngừng tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc lựa chọn, áp dụng linh hoạt các chính sách kế toán, phù hợp với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp, quản trị tốt mục tiêu hoạt động doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc lựa chọn chính sách kế toán là phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc vào nhiều nhân tố chủ quan, bao gồm: Đặc thù, qui mô của doanh nghiệp; tính phức tạp của chuẩn mực; trình độ của kế toán viên; mục tiêu của nhà quản lý... Chính mỗi nhân tố này tác động ít nhiều đến hành vi và mục tiêu hiệu quả hoạt động của mỗi doanh nghiệp.

Công ty TNHH Việt Đức là một đơn vị hoạt động hơn 10 năm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cung cấp vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm và cọc bê tông cho các công trình xây dựng. Các chính sách kế toán được vận dụng tại công ty TNHH Việt Đức đảm bảo tuân thủ quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam nhưng xét về khía cạnh hiệu quả và khía cạnh cơ hội của các chính sách kế toán đang được vận dụng tại Công ty vẫn còn một số hạn chế như về việc thực hiện chính sách bảo hành về sản phẩm, phương pháp khấu hao... Xuất phát từ thực tế việc vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức, tác giả chọn đề tài “**Nghiên cứu sự vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức**” làm nội dung nghiên cứu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Đề tài này nhằm tìm hiểu thực trạng vận dụng các chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức; đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán; qua đó đưa ra một số kiến nghị về việc vận dụng các chính sách kế toán phù hợp với Công ty.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng, tính phù hợp của việc vận dụng các chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức.

- Phạm vi nghiên cứu

Đề tài giới hạn nghiên cứu thực trạng vận dụng chính sách kế toán của phần hành kế toán điển hình, đó là chính sách kế toán hàng tồn kho, tài sản cố định, doanh thu và chi phí tại công ty TNHH Việt Đức.

- Thời gian nghiên cứu

Dữ liệu minh họa được thu thập từ công ty TNHH Việt Đức trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2016.

4. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài tiếp cận theo cách khảo sát thực tế một công ty để tìm hiểu thực trạng vận dụng chính sách kế toán; sử dụng các phương pháp tổng hợp, đối sánh, phân tích để nhận diện và đánh giá vận dụng chính sách kế toán ở Công ty nghiên cứu. Dữ liệu sơ cấp được thu thập trực tiếp ở Công ty.

5. Cấu trúc của luận văn

Luận văn được tổ chức thành 3 chương. Chương 1 trình bày cơ sở lý thuyết về vận dụng chính sách kế toán trong doanh nghiệp. Chương 2 liên quan đến thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức. Chương 3 trình bày ý kiến hoàn thiện việc vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức.

6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Vận dụng chính sách kế toán đã được đề cập trong một số bài báo và luận văn thạc sĩ trong thời gian qua.

Bài viết “*Bàn về mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ*” của PGS.TS. Trần Đình Khôi Nguyên (2010) đã nghiên cứu tình hình vận dụng các chuẩn mực, chế độ kế toán ở khu vực các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Dựa trên kết quả thử nghiệm ở hai nhóm đối tượng là các kế toán viên và chuyên viên thuế, bài viết đã trình bày thực trạng vận dụng chính sách kế toán ở các doanh nghiệp này. Tác giả đã phác thảo mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến vận dụng chế độ kế toán trong các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Tác giả Ngô Lê Phương Thúy (2012) đã nghiên cứu việc vận dụng các chính sách kế toán tại công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng Đà Nẵng với hoạt động kinh

doanh trong lĩnh vực tư vấn thiết kế. Qua đó tác giả rút ra những ưu điểm và nhược điểm của việc vận dụng đó và xác định được các nhân tố ảnh hưởng đến việc xây dựng các chính sách kế toán tại Công ty. Tác giả hoàn thiện các chính sách kế toán cho công ty để khắc phục các nhược điểm dựa trên cơ sở lý thuyết về chuẩn mực kế toán và dựa trên năng lực của nhân viên kế toán.

Tác giả Lê Thị Thương (2014) đã nghiên cứu sự vận dụng các chính sách kế toán tại công ty cổ phần xây lắp điện Quảng Nam với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thi công xây lắp công trình điện và xây dựng thủy lợi. Từ đó tác giả đánh giá việc vận dụng các chính sách kế toán tại công ty và kiến nghị nhằm hoàn thiện công bố thông tin liên quan đến chính sách kế toán.

Tác giả Lê Thanh Phương (2014) đã tìm hiểu và đánh giá thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Vạn Tường trong lĩnh vực thi công xây lắp. Tác giả chỉ ra được ưu điểm, nhược điểm và những hạn chế còn tồn tại trong công tác vận dụng chính sách tại công ty Vạn Tường. Từ đó tác giả đưa ra giải pháp hoàn thiện vận dụng chính sách kế toán tại công ty.

Tác giả Huỳnh Thị Cẩm Nhung (2015) đã nghiên cứu thực trạng áp dụng chính sách kế toán tại các công ty xây lắp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, nghiên cứu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố có liên quan đến việc lựa chọn chính sách kế toán và đưa ra các khuyến nghị nhằm nâng cao tính hiệu quả trong việc lựa chọn chính sách kế toán của các doanh nghiệp xây lắp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tác giả Phan Lê Hiên Li (2015) đã phân tích, đánh giá thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại Nhà máy bia Dung Quất, từ đó rút ra ưu, nhược điểm và đề xuất các giải pháp trong việc vận dụng chính sách kế toán phù hợp hơn với đặc thù của Nhà máy.

Qua các tài liệu tham khảo liên quan đến vận dụng chính sách kế toán tại một công ty, nhìn chung các tác giả trình bày nội dung, đặc điểm các chính sách kế toán được vận dụng và đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện cho việc vận dụng các chính sách kế toán theo hướng phản ánh tính trung thực, hợp lý của thông tin trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại công ty cụ thể. Một trong những hạn chế

của các nghiên cứu trước đây là chưa đánh giá vận dụng chính sách kế toán theo khía cạnh “hiệu quả” hay “cơ hội” mà chỉ xem xét việc vận dụng chính sách kế toán có tuân thủ chuẩn mực và chế độ hay không? Các nghiên cứu trước đây đề cập phản ánh thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại các công ty cung cấp dịch vụ hoạt động xây lắp, cung cấp thực phẩm nước uống, chưa có đề tài phản ánh thực trạng vận dụng chính sách kế toán trong hoạt động cung cấp sản phẩm bê tông tươi, một trong những hoạt động ngành nghề tạo ra cơ sở vật chất cho nền kinh tế quốc dân. Đề tài “Nghiên cứu vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức” nghiên cứu về việc vận dụng chính sách kế toán vào lĩnh vực cung cấp sản phẩm bê tông tươi cho ngành xây lắp tập trung phản ánh thực trạng vận dụng chính sách kế toán tại Công ty, phân tích và đánh giá nhân tố ảnh hưởng đến việc vận dụng chính sách kế toán tại Công ty theo hai khía cạnh hiệu quả và cơ hội, đưa ra kiến nghị hoàn thiện chính sách kế toán cho Công ty.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VỀ VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM VÀ MỤC ĐÍCH CỦA CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

1.1.1. Khái niệm chính sách kế toán

Theo VAS 21 và 29, *Chính sách kế toán bao gồm những nguyên tắc, cơ sở, phương pháp kế toán cụ thể được doanh nghiệp áp dụng trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.*

1.1.2. Nội dung của chính sách kế toán

Chính sách kế toán với các đặc điểm là cơ sở nguyên tắc kế toán, là lựa chọn phương pháp kế toán, là ước tính kế toán đã tạo ra những định hướng chung, phương pháp tạo thuận lợi cho người lập báo cáo tài chính trình bày các thông tin tài chính. Trong trường hợp chưa có quy định ở chuẩn mực kế toán và chế độ hiện hành thì doanh nghiệp phải căn cứ chuẩn mực chung để xây dựng các phương pháp kế toán hợp lý.

1.1.3. Các khía cạnh của vận dụng chính sách kế toán

a. Khía cạnh hiệu quả

Mục đích của vận dụng chính sách kế toán là làm sao phản ánh được thực tế diễn ra, phù hợp với hoạt động kinh doanh và phù hợp với đặc điểm giao dịch phát sinh. Mục đích này được xem là tính “hiệu quả” của chính sách kế toán¹, có nghĩa là chính sách kế toán được vận dụng làm sao phản ánh trung thực hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Những người ủng hộ cách tiếp cận “free market” cho rằng quy định kế toán giới hạn các kỹ thuật kế toán sẵn có sẽ tác hại đến doanh nghiệp vì giới hạn các phương pháp kế toán sẵn có sẽ hạn chế tính hiệu quả của doanh nghiệp trong việc tạo ra thông tin về tình trạng tài chính và hiệu quả của tổ chức. Những lập luận như vậy không hướng đến xem xét lợi ích so sánh đến từ quy định kế toán.

¹ Xem Deegan (2006, tr.232-234)

b. Khía cạnh cơ hội

Việc lựa chọn một phương pháp kế toán được dẫn dắt bởi chính lợi ích của tổ chức, cá nhân. Doanh nghiệp có nhu cầu vay càng nhiều thì doanh nghiệp càng tác động đến chính sách kế toán để tăng lợi nhuận doanh nghiệp. Việc tiết kiệm chi phí thuế thu nhập làm ảnh hưởng đến khả năng cơ hội của doanh nghiệp trong việc đáp ứng các yêu cầu tuân thủ hợp đồng và quyền lợi nhà quản trị, các bên liên quan sẽ bị ảnh hưởng. Nhà quản trị doanh nghiệp có thể điều chỉnh lợi nhuận vì những lợi ích cá nhân, như sẽ được hưởng nhiều quyền lợi khi hoàn thành các chỉ tiêu được giao, chẳng hạn các khoản thưởng, tăng lương, chức vụ và cả việc giữ được vị trí của mình...

1.2. VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

1.2.1. Vận dụng chính sách kế toán về hàng tồn kho

a. Chính sách kế toán hàng tồn kho

****Xác định giá trị sản phẩm dở dang và giá thành sản phẩm***

Các phương pháp phổ biến thường được áp dụng để đánh giá sản phẩm dở dang bao gồm: Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức, đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Giá thành sản phẩm bao gồm giá thành kế hoạch được tính trên cơ sở chi phí sản xuất kế hoạch và sản lượng kế hoạch, giá thành định mức được xây dựng trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và giá thành thực tế dựa trên chi phí thực tế và sản lượng thực tế. Phương pháp tính giá thành bao gồm những phương pháp sau: Phương pháp giản đơn (trực tiếp), phương pháp hệ số, phương pháp tỷ lệ (định mức), phương pháp loại trừ sản phẩm phụ, phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng, phương pháp phân bước.

****Xác định giá trị hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Để xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, doanh nghiệp áp dụng theo một trong các phương pháp sau: Phương pháp tính theo giá đích danh, phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO) và phương pháp giá bán lẻ

**Chính sách dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Việc ghi giảm giá gốc hàng tồn kho cho bằng với giá trị thuần có thể thực hiện được hay nói cách khác khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xem là một biểu hiện của ước tính kế toán.

b. Vận dụng chính sách kế toán hàng tồn kho

**Khía cạnh hiệu quả*

Các phương pháp tính cho ra kết quả hoàn toàn khác nhau, nếu một phương pháp nào đó cho ra kết quả trị giá mua của hàng xuất bán cao thì trị giá mua của hàng còn lại sẽ thấp và ngược lại. Mức độ chính xác và độ tin cậy của mỗi phương pháp tùy thuộc vào yêu cầu quản lý, trình độ, năng lực nghiệp vụ và trang bị công cụ tính toán, phương tiện xử lý thông tin của doanh nghiệp, đồng thời cũng tùy thuộc vào yêu cầu bảo quản, tính phức tạp về chủng loại, quy cách và sự biến động của vật tư, hàng hóa ở doanh nghiệp.

Khoảng lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là một ước tính kế toán làm gia tăng giá vốn hàng bán dẫn đến giảm lợi nhuận tác động đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu doanh nghiệp. Hàng tồn kho giảm làm giảm tài sản ngắn hạn cũng như tổng tài sản. Kết quả của quá trình này ảnh hưởng đến cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, qui mô, hiệu quả tài chính doanh nghiệp.

**Khía cạnh cơ hội*

Mỗi phương pháp tính giá xuất kho hàng tồn kho hay mỗi pháp pháp tính giá thành sản phẩm sẽ cho ra khoảng giá vốn khác nhau ảnh hưởng trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, còn ảnh hưởng đến việc đánh giá của các nhà đầu tư và các tổ chức tín dụng về tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua chỉ số vòng quay hàng tồn kho.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho còn có thể giúp cho nhà quản trị tác động đến chi phí, lợi nhuận trong kỳ, người lập báo cáo sẽ tìm cách che giấu những thông tin quan trọng nếu những thông tin này có ảnh hưởng không tốt đến quyền lợi của doanh nghiệp.

1.2.2. Vận dụng chính sách kế toán về tài sản cố định

a. Chính sách kế toán tài sản cố định

Theo VAS 03 & 04, các tài sản được ghi nhận là TSCĐ phải thỏa mãn đồng thời tất cả bốn tiêu chuẩn ghi nhận sau: *Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy; Thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm; Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành.*

****Xác định giá của tài sản cố định***

Giá trị ban đầu TSCĐ trước khi đưa vào sử dụng đều được ghi nhận theo nguyên giá.

****Chính sách khấu hao tài sản cố định***

Các phương pháp khấu hao TSCĐ thường sử dụng bao gồm các phương pháp sau: Phương pháp khấu hao đường thẳng, phương pháp khấu hao theo số dư giảm dần có điều chỉnh và phương pháp khấu hao theo sản lượng.

****Vận dụng phương pháp ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định***

Tùy thuộc vào mức độ hư hỏng nhẹ hay nặng, tùy thuộc vào thời gian sửa chữa ngắn hay dài, chi phí sửa chữa nhỏ hay lớn, trong doanh nghiệp sửa chữa TSCĐ tồn tại dưới 2 dạng: Sửa chữa nhỏ (sửa chữa thường xuyên) và sửa chữa lớn TSCĐ.

b. Vận dụng chính sách về tài sản cố định

****Khía cạnh hiệu quả***

Mỗi phương pháp khấu hao TSCĐ khác nhau, thời gian sử dụng hữu ích khác nhau dẫn đến mức khấu hao lũy kế khác nhau làm cho giá trị còn lại của TSCĐ cũng khác nhau và tổng tài sản của doanh nghiệp sẽ khác nhau. Việc xác định đúng đắn số khấu hao phải tính và phải phân bổ sao cho phù hợp với từng đối tượng sử dụng TSCĐ vừa đảm bảo có đủ nguồn vốn tái tạo TSCĐ, trả nợ vay... vừa bảo đảm hạch

toán đúng chi phí sản xuất kinh doanh, đúng tính giá thành sản phẩm và xác định đúng kết quả kinh doanh.

Việc xét đoán thời gian sử dụng hữu ích của TSCĐ mang tính chủ quan của doanh nghiệp là yếu tố cũng tác động đến giá trị khấu hao TSCĐ của doanh nghiệp, tác động đến hiệu quả mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp.

Ghi nhận khoản phí sửa chữa TSCĐ vào chi phí hoạt động tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

**Khía cạnh cơ hội*

Các khoản chi phí khấu hao tài sản cố định được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Khi mức khấu hao thay đổi ảnh hưởng đến chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán, lợi nhuận trên BCKQKD đồng thời tác động đến giá trị của hàng chưa bán phản ánh ở mục hàng tồn kho trên BCĐKT và tác động đến mức thuế phải nộp của doanh nghiệp.

Ghi nhận và phân bổ đối với các khoản chi phí sửa chữa TSCĐ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và mức thuế phải nộp của các doanh nghiệp. Vận dụng yếu tố này các doanh nghiệp có thể đạt được mục tiêu quản lý của mình.

1.2.3. Vận dụng chính sách kế toán về xác định lợi nhuận

a. Chính sách kế toán về xác định lợi nhuận

**Chính sách kế toán về chi phí*

Một số chi phí được đề cập khi vận dụng như sau:

- + *Chi phí trả trước*
- + *Chi phí dự phòng*
- + *Chi phí dự phòng phải trả*
- + *Chi phí đi vay*
- + *Giá vốn hàng bán*

**Chính sách kế toán về doanh thu*

- + *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*
- + *Doanh thu hoạt động tài chính*

+ *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

b. Vận dụng chính sách kế toán xác định lợi nhuận

**Khía cạnh hiệu quả*

Việc hạch toán chi phí trả trước sẽ ảnh hưởng đến các khoản mục được trình bày trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi.

Hạch toán chính xác chi phí đi vay theo chế độ sẽ góp phần làm tăng tính chính xác của chỉ tiêu giá thành và lợi nhuận của doanh nghiệp, từ đó giúp cho doanh nghiệp xác định đúng nghĩa vụ của mình với ngân sách Nhà nước, thông qua khoản thuế thu nhập doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động đầu tư tài chính. Thời điểm xác định doanh thu ảnh hưởng đến việc ghi nhận doanh thu của kỳ kế toán liên quan, là cơ sở để xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

**Khía cạnh cơ hội*

Khi thay đổi các ước tính kế toán ảnh hưởng đáng kể đến các tỷ số tài chính trong doanh nghiệp. Cụ thể như khi thay đổi khoản dự phòng phải thu khó đòi ảnh hưởng đến chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận thuần, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, tổng các khoản phải thu, tổng tài sản của doanh nghiệp. Chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp, đặc biệt là thông tin về lợi nhuận có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định nhiều bên liên quan và thể hiện mục tiêu của nhà quản trị doanh nghiệp.

1.2.4. Chính sách liên quan công bố thông tin

Mỗi doanh nghiệp cần xem xét bản chất của các hoạt động và các chính sách của mình mà người sử dụng muốn được trình bày đối với loại hình doanh nghiệp đó. Khi quyết định việc trình bày chính sách kế toán cụ thể trong báo cáo tài chính Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp phải xem xét xem việc diễn giải này có giúp cho người sử dụng hiểu được cách thức phản ánh các nghiệp vụ giao dịch và các sự kiện trong kết quả hoạt động và tình hình tài chính của doanh nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 của luận văn đã giới thiệu căn bản thế nào là chính sách kế toán, đặc điểm của chính sách kế toán và giới thiệu về nội dung của chính sách kế toán liên quan đến hàng tồn kho, chính sách kế toán về tài sản cố định, chính sách kế toán về xác định lợi nhuận. Trên cơ sở trình bày nội dung cụ thể của từng chính sách kế toán luận văn đánh giá vận dụng của từng chính sách kế toán theo hai khía cạnh về hiệu quả và cơ hội của việc vận dụng chính sách kế toán cụ thể trong doanh nghiệp..

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT ĐỨC

2.1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT ĐỨC

2.1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Công ty

Công ty trách nhiệm hữu hạn Việt Đức được thành lập ngày 2 tháng 4 năm 2003 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0504000034 của Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Hưng Yên với tổng số vốn điều lệ là 15.000.000.000 đồng. Công ty TNHH Việt Đức là đơn vị chuyên ngành trong lĩnh vực kinh doanh sản xuất cung cấp vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm, cọc bê tông dự ứng lực cao cấp ly tâm, cọc bê tông dự ứng lực vuông, các sản phẩm bê tông cho các công trình xây dựng.

2.1.2. Đặc điểm tổ chức quản lý tại Công ty

a. Sơ đồ tổ chức

Bộ máy quản lý Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.1

b. Chức năng và nhiệm vụ

2.1.3. Đặc điểm tổ chức kế toán tại Công ty

a. Sơ đồ tổ chức

Bộ máy kế toán Công ty được thể hiện qua sơ đồ 2.2

b. Chức năng và nhiệm vụ

c. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty

Công ty thực hiện các công tác kế toán trên phần mềm Misa theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.2. THỰC TRẠNG VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT ĐỨC

2.2.1. Vận dụng chính sách kế toán về hàng tồn kho

a. Đặc điểm về hàng tồn kho

Công ty TNHH Việt Đức chuyên sản xuất, cung cấp bê tông thương phẩm, cọc bê tông đúc sẵn nên hàng tồn kho ở Công ty bao gồm chủ yếu là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và thành phẩm bê tông đúc sẵn.

**Nguyên vật liệu*

Nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là xi măng, đá sỏi các kích cỡ, chất phụ gia, sắt, thép.

**Công cụ dụng cụ*

Căn cứ vào bộ phận hoạt động tại Công ty công cụ dụng cụ được chia thành nhiều nhóm như sau: Nhóm dụng cụ dùng cho hoạt động văn phòng giao dịch; Nhóm dụng cụ dùng trong sản xuất bê tông tại các trạm bê tông; Nhóm dụng cụ trong phòng thí nghiệm dùng phục vụ cho công tác kiểm tra chất lượng bê tông; Nhóm dụng cụ sử dụng trong quá trình cung cấp bê tông; Nhóm dụng cụ trong việc gia công thép; Ngoài ra còn có dụng cụ bảo hộ cho nhân viên kỹ thuật trong quá trình thực hiện công việc Công ty.

**Thành phẩm*

Công ty sản xuất ra các thành phẩm bê tông đúc sẵn như cọc bê tông dự ứng lực cao cấp ly tâm, cọc bê tông dự ứng lực vuông, cột điện bê tông ly tâm thường và dự ứng lực, cọc ván bê tông dự ứng lực và các cấu kiện đúc sẵn.

b. Xác định giá trị sản phẩm dở dang và giá thành sản phẩm

Công ty không có sản phẩm dở dang cuối kỳ và giá thành sản phẩm được xác định theo giá thành định mức Công ty đã xây dựng.

Tổ chức vận dụng chính sách xác định giá thành sản phẩm tại Công ty phù hợp với đặc điểm tổ chức hoạt động và loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Việc xây dựng giá thành sản phẩm phụ thuộc vào sự thay đổi giá của thị trường. Phương pháp này cho phép phát hiện một cách nhanh chóng những khoản chênh lệch về chi phí phát sinh thực tế so với định mức của từng khoản mục, theo từng nơi phát sinh chi phí cũng như đối tượng chịu chi phí, các nguyên nhân dẫn đến những thay đổi này... nên giúp cho Công ty có những căn cứ đề ra những quyết định hữu ích, kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí, ngăn chặn được những hiện tượng lãng phí, sử dụng chi

phí đúng mục đích, có hiệu quả nhằm hạ thấp giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh và lợi nhuận cho Công ty.

c. Xác định về giá trị hàng tồn kho

****Nguyên tắc đo lường***

Hàng tồn kho mua vào của Công ty được xác định theo giá gốc.

Như vậy, việc thực hiện chính sách kế toán về hàng tồn kho trong việc ghi nhận giá nhập kho đối với hàng tồn kho tại Công ty trong việc xác định giá nhập kho là đã đảm bảo tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán.

****Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ***

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ và tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Như vậy, tổ chức theo dõi thường xuyên và liên tục giúp cho Công ty kiểm soát chặt chẽ lượng vật tư cũng như thành phẩm của Công ty cả về mặt số lượng và giá trị. Giảm tình trạng sai sót trong việc ghi chép và quản lý cũng như góp phần điều chỉnh nhanh chóng kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, Công ty tổ chức phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên như vậy là đảm bảo tuân thủ chính sách kế toán về quản lý hàng tồn kho và phù hợp với đặc thù của Công ty.

****Chính sách dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Chính sách dự phòng giảm giá cho hàng tồn kho của Công ty được thực hiện tuân thủ theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính về phương pháp lập và thời điểm lập, hoàn nhập (ngày 31/12 hằng năm).

Công ty lập dự phòng cho các đối tượng vật tư, thành phẩm tồn kho bị giảm giá, hư hỏng hóc, kém phẩm chất, ứ đọng, chậm luân chuyển. Như vậy, việc lập dự phòng cho hàng tồn kho tại Công ty là phù hợp với đặc thù hoạt động của Công ty và một phần nào thể hiện mục tiêu quản lý trong việc giảm rủi ro trong kinh doanh và giảm thuế phải nộp.

2.2.2. Vận dụng chính sách kế toán về tài sản cố định

a. Đặc điểm về tài sản cố định

TSCĐ hữu hình của Công ty bao gồm: Phân xưởng, trạm vạ hành bê tông, phòng thí nghiệm; Xe vận chuyên, xe bồn chở xi măng, thiết bị bơm bê tông, thiết bị vận chuyển cọc cấu kiện bê tông và thiết bị thi công cọc bê tông; Trang thiết bị sản xuất bê tông như bể (trạm) trộn bê tông ABE có hệ thống cân cốt liệu, hệ thống điều khiển tự động và nổi trộn, trạm Atech, cầu trục... TSCĐ vô hình bao gồm: Giấy chuyển nhượng quyền, giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

b. Xác định nguyên giá tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Như vậy, việc ghi nhận nguyên giá TSCĐ tại Công ty đảm bảo tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 & 04 của Bộ Tài chính và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

c. Chính sách khấu hao tài sản cố định

Việc vận dụng phương pháp khấu hao đường thẳng cho việc khấu hao TSCĐ tại Công ty là tuân thủ đúng quy định hiện hành. Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC Công ty có thể lựa chọn 1 trong các phương pháp trích khấu hao TSCĐ theo quy định phù hợp cho từng loại TSCĐ nên Công ty cũng cân nhắc vận dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng phản ánh đúng sự hao mòn theo công suất thực tế của TSCĐ đó và có tác dụng thúc đẩy khả năng tăng năng suất trong sản xuất và điều chỉnh mức thuế phải nộp. Khung thời gian khấu hao TSCĐ của Công ty được xây dựng linh hoạt trong khung thời gian cho phép theo quy định, đây là cách Công ty vận dụng để thực hiện mục tiêu tăng lợi nhuận.

d. Vận dụng phương pháp ghi nhận chi phí sửa chữa tài sản cố định

Việc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí sửa chữa phát sinh tại Công ty là phù hợp và đảm bảo tuân thủ theo qui định hiện hành. Với các ước lượng phân bổ khoản chi phí sửa chữa lớn hơn 10 triệu đồng sẽ giúp Công ty đảm bảo phân bổ khoản chi phí trả trước vào chi phí kinh doanh trong kỳ không quá thời hạn 3 năm.

2.2.3. Vận dụng chính sách kế toán về xác định lợi nhuận

a. Chính sách kế toán về chi phí

****Chi phí trả trước***

Việc phân bổ các khoản chi phí trả trước vào kết quả hoạt động kinh doanh từng kỳ tuân thủ theo qui định về phương pháp và thời gian phân bổ. Công ty linh hoạt trong việc phân bổ các khoản chi phí trả trước giúp cho Công ty chủ động trong việc điều chỉnh lợi nhuận và khoản thuế phải nộp.

****Chi phí dự phòng***

✓ Dự phòng phải thu khó đòi

Công ty phân loại đối tượng khoản nợ theo thời gian và căn cứ vào hạn mức phần trăm trích lập dự phòng cho khoản nợ phải thu khó đòi. Việc dự phòng phải thu khó đòi Công ty đảm bảo tuân thủ theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về phương pháp lập và thời điểm lập.

✓ Chi phí dự phòng phải trả

Hiện tại đối với Công ty, việc bảo hành cho sản phẩm cung cấp ra thị trường cho khách hàng vẫn chưa được quan tâm. Điều này làm cho Công ty không đạt tối ưu hiệu quả về giảm khoản thuế phải đóng.

****Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Như vậy, Công ty đảm bảo tuân thủ về việc vốn hóa các khoản chi phí đi vay tuân thủ theo quy định.

****Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán ra của bê tông thương phẩm, các cấu kiện bê tông của Công ty được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng xuất bán cho khách hàng. Đối với giá vốn của hoạt động cung cấp dịch vụ bơm bê tông được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ. Đối với chi phí phục vụ cho quá trình hoạt động

sản xuất kinh doanh đều được ghi nhận khi có chứng từ. Như vậy, việc ghi nhận giá vốn đối với hàng bán ra của Công ty phù hợp với loại hình kinh doanh tại Công ty.

b. Chính sách kế toán về doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu trong việc bán, cung cấp bê tông thương phẩm, sản phẩm bê tông, cấu kiện bê tông và cung cấp dịch vụ cho thuê bơm bê tông. Do đó, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty bao gồm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Công ty không cung cấp dịch vụ xây lắp.

Việc ghi nhận doanh thu trong kỳ Công ty căn cứ vào lượng bê tông đã cung cấp cho khách hàng sau khi khách hàng đã xác nhận vào phiếu giao hàng và hồ sơ nghiệm thu như vậy là hợp lý. Mọi khoản doanh thu kế toán đều được xuất hóa đơn làm chứng từ ghi nhận doanh thu tính thuế cho thấy công việc ghi nhận doanh thu kế toán Công ty dựa trên cơ sở qui định của thuế.

2.2.4. Chính sách liên quan công bố thông tin

Trong thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty, các thông tin về các chính sách kế toán vận dụng tại Công ty mang tính chất chung chung, ngắn gọn, thông tin trình bày chưa đầy đủ chỉ mang tính chất thể hiện tên phương pháp, chính sách của Thông tư được vận dụng trong lập báo cáo tài chính.

2.3. ĐÁNH GIÁ VIỆC VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT ĐỨC

2.3.1. Ưu điểm

Nhìn chung, các chính sách kế toán được vận dụng tại Công ty trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính phù hợp với đặc thù và cơ chế hoạt động của Công ty, đảm bảo tuân thủ qui định theo Thông tư, chế độ do Bộ Tài chính ban hành theo qui định hiện hành. Cụ thể;

**Chính sách kế toán về hàng tồn kho:* Theo dõi chặt chẽ đối với hàng tồn kho đảm bảo cho Công ty giảm thiểu bớt rủi ro trong công tác quản lý, giảm thiểu tổn thất tài sản. Việc tính giá xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền giúp cho công tác kế toán được gọn nhẹ hơn, đảm bảo về chi phí và thời gian kế toán. Phương pháp tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc thù của Công ty.

**Chính sách kế toán về TSCĐ:* Sự linh hoạt trong việc chọn khung thời gian khấu hao TSCĐ để Công ty điều chỉnh lợi nhuận mong muốn.

**Chính sách kế toán về doanh thu:* Việc ghi nhận doanh thu được ghi nhận một cách đáng tin cậy và tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán qui định, phù hợp với loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Chính sách kế toán về chi phí:* Khung thời gian phân bổ các khoản chi phí trả trước tại Công ty được linh hoạt theo điều kiện cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh tuy nhiên vẫn đảm bảo khung thời gian qui định theo Thông tư ban hành. Công tác thu hồi nợ được Công ty quan tâm hàng đầu nhằm đảm bảo tránh tổn thất, thất thoát nợ phải thu.

Tóm lại, qui mô đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ảnh hưởng lớn nhiều đến việc xây dựng chính sách kế toán theo khía cạnh hiệu quả.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh ưu điểm nổi trội thì Công ty vẫn còn một số hạn chế trong việc xây dựng và thực hiện chính sách kế toán.

**Chính sách kế toán hàng tồn kho:* Công ty áp dụng phương pháp bình quân cả kỳ để tính giá xuất kho cho hàng bán ra, như vậy độ chính xác về giá vốn sẽ không cao, chưa đáp ứng kịp thời thông tin kế toán nên sẽ ảnh hưởng đến quyết định của lãnh đạo Công ty trong chiến lược kinh doanh, mục tiêu lợi nhuận của Công ty.

Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong thuyết minh báo cáo tài chính Công ty để trống, không trích dẫn việc thực hiện dự phòng giảm giá hàng tồn kho thực hiện tuân thủ theo Thông tư chính sách nào ban hành. Điều này làm cho người đọc báo cáo tài chính không hiểu được Công ty đã quan tâm và thực hiện dự phòng khi tổn thất tài sản xảy ra hay không.

**Chính sách kế toán TSCĐ:* Việc khấu hao thiết bị sản xuất bê tông tươi theo phương pháp đường thẳng chưa phù hợp với thiết bị sản xuất bê tông tươi của Công ty.

**Chính sách kế toán về chi phí:*

Công ty không trích lập bảo hành sản phẩm nhưng trong hợp đồng ký kết với khách hàng thì vẫn thể nội dung cam kết về việc bảo hành. Như vậy là chưa tuân thủ đúng qui định trong Thông tư về việc trích lập dự phòng do Bộ Tài chính ban hành. Mức trích lập dự phòng cho khoản phải thu khó đòi Công ty cũng chỉ căn cứ vào tỷ lệ phần trăm (%) theo Thông tư qui định hiện hành. Căn cứ, cơ sở mức trích lập dự phòng với tỷ lệ bao nhiêu là cân đối giữa chi phí và doanh thu là chưa có.

**Chính sách về doanh thu*

**Chính sách liên quan công bố thông tin*

Thông tin trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính chưa đầy đủ chỉ mang tính chất thể hiện tên phương pháp, chính sách của Thông tư được vận dụng trong lập báo cáo tài chính. Một số thông tin chính sách kế toán còn để trống. Điều này hạn chế cho người sử dụng thông tin của Công ty.

Tóm lại, Công tác kế toán ở Công ty phần lớn chú trọng cho mục đích kê khai thuế khá cao nhưng việc chưa trích trước chi phí dự phòng bảo hành sản phẩm Công ty vẫn chưa thực hiện do hạn chế về nguồn vốn, đặc thù sản phẩm và kinh nghiệm của kế toán viên thể hiện khía cạnh chưa hiệu quả và hạn chế về khía cạnh cơ hội trong việc gia tăng uy tín của Công ty, tạo tính cạnh tranh, hạn chế rủi ro khi tổn thất tài sản xảy ra, thực hiện mục tiêu về né tránh thuế và thực hiện mục tiêu chiến lược dẫn đưa công ty Việt Đức trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường vật liệu xây dựng, gia nhập vào thị trường chứng khoán. Việc lựa chọn khung thời gian phân bổ cho công cụ dụng cụ hay khung thời gian khấu hao TSCĐ đôi khi còn lạm dụng lý do đối phó với cơ quan thuế.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 trình bày thực tế việc vận dụng chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức. Thông qua việc trình bày sơ bộ cơ cấu tổ chức bộ máy tại Công ty, trình bày khái quát đặc điểm, thực tế chính sách kế toán được vận dụng tại Công ty, tác giả rút ra một số ưu điểm cũng như hạn chế về chính sách kế toán tại Công ty trong việc trình bày báo cáo tài chính theo 2 khía cạnh hiệu quả và cơ hội. Căn cứ ưu – nhược điểm là cơ sở để tác giả đi vào chương 3, nhằm đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức.

CHƯƠNG 3

HOÀN THIỆN VIỆC VẬN DỤNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY TNHH VIỆT ĐỨC

3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

Với sự đổi mới về chế độ kế toán trong doanh nghiệp theo xu hướng mới và những vấn đề còn tồn tại về hạn chế trong các chính sách kế toán đang vận dụng tại Công ty thì Công ty cần rà soát, xem xét và đánh giá những ưu điểm và nhược điểm để xác định lựa chọn chính sách kế toán phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm mục tiêu hoạt động của Công ty và nâng cao chất lượng trình bày thông tin trên báo cáo tài chính, đồng thời đảm bảo tuân thủ quy định theo Chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.

3.2. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY

3.2.1. Chính sách kế toán hàng tồn kho

Việc áp dụng phương pháp nhập trước – xuất trước sẽ cho ra khoảng giá vốn thấp hơn so với việc vận dụng phương pháp bình quân gia quyền. Như vậy, giá vốn hàng tồn kho sát với giá thị trường dẫn đến giá bán sẽ có tính cạnh tranh hơn trên thị trường và lợi nhuận của Công ty cũng tăng lên hơn. Và khoảng ước tính cho việc dự phòng giảm giá hàng tồn kho mang tính thực tế hơn do giá vốn sát với giá thị trường.

3.2.2. Chính sách kế toán tài sản cố định

Phòng kế toán phối hợp với phòng kỹ thuật trong việc xây dựng khung thời gian khấu hao TSCĐ sao cho đảm bảo tính tuân thủ theo qui định đồng thời cũng khai thác hiệu quả tính chi phí cho hợp lý. Tuy nhiên Công ty cũng nên xây dựng thang đo ước tính cụ thể để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch mục tiêu hoạt động của Công ty.

Công ty cũng có thể áp dụng phương pháp khấu hao TSCĐ theo sản lượng thúc đẩy khả năng tăng năng suất trong sản xuất.

Công ty cũng có thể lựa chọn thời điểm thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cũng có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán. Nhà quản trị Công ty có thể quyết định

thời điểm thanh lý, nhượng bán tài sản cố định để đẩy nhanh lại việc ghi nhận lợi nhuận hoạt động khác. Và có thể quyết định khi nào và mức độ các chi phí sửa chữa, nâng cấp cải tạo tài sản cố định được chi ra để đạt mục tiêu của Công ty.

Khung thời gian khấu hao TSCĐ Công ty cũng nên trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính để người sử dụng thông tin báo cáo tài chính của Công ty dễ dàng hơn và qua đó cũng phản ánh được tính trung thực của thông tin.

Chính sách kế toán về xác định giá thành sản phẩm phù hợp với loại hình kinh doanh của Công ty.

3.2.3. Chính sách kế toán về chi phí

Hiện nay Công ty đang theo đuổi mục tiêu lợi nhuận để theo mục tiêu lợi nhuận của Công ty mà nhà quản trị, phòng kế toán và kết hợp với bộ phận kỹ thuật xây dựng ước tính về thời gian sử dụng của công cụ, dụng cụ sao cho phù hợp để phân bổ khoản chi phí trả trước vào chi phí từng kỳ. Do đó, Công ty cũng nên xây dựng một quy định cụ thể về xác định khung thời gian sử dụng cho từng nhóm công cụ, dụng cụ. Góp phần cho việc lập kế hoạch sản xuất và xác định mục tiêu hoạt động của Công ty.

Trong các văn bản hợp đồng kinh tế giữa Công ty và các khách hàng có phản ánh nội dung về bảo hành sản phẩm. Các chi phí liên quan đến bảo hành công trình, khi nào phát sinh chi phí sửa chữa, bảo dưỡng công trình thì Công ty mới hạch toán vào chi phí trong kỳ phát sinh. Như vậy không phản ánh đúng tính trung thực thông tin trên báo cáo. Bởi vì, chi phí ghi nhận không tương ứng với doanh thu đã được ghi nhận ở các kỳ trước. Nếu ghi nhận chi phí sửa chữa vào kỳ phát sinh thì kỳ đó lại không có doanh thu liên quan, để đảm bảo nguyên tắc phù hợp thì chi phí cần được tiến hành ghi nhận vào kỳ tạo ra doanh thu. Tuy nhiên, khi ghi nhận doanh thu thì lúc đó chưa phát sinh chi phí bảo hành. Điều này, đòi hỏi kế toán phải trích chi phí bảo hành sản phẩm công trình vào chi phí sản xuất khi sản phẩm đã nghiệm thu hoàn thành bàn giao trong kỳ. Phòng kế toán phối hợp với phòng kỹ thuật để xây dựng nên chính sách bảo hành sản phẩm và xác định tỷ lệ % trích lập dự phòng tương ứng thích hợp với điều kiện cụ thể tại Công ty.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Chương 3 trình bày sự cần thiết về hoàn thiện chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức và đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách kế toán tại Công ty theo các khía cạnh cơ hội và chi phí... Hoàn thiện về chính sách kế toán hàng tồn kho với giải pháp vận dụng phương pháp tính giá xuất kho hàng tồn kho theo phương pháp nhập – trước. Hoàn thiện về chính sách kế toán về TSCĐ về việc thay đổi phương pháp nhập trước – xuất trước đối với thiết bị sản xuất. Hoàn thiện chính sách kế toán về chi phí...

Qua các giải pháp trình bày ở trên, luận văn góp phần hoàn thiện hơn trong việc vận dụng chính sách kế toán tại Công ty trong việc thực hiện mục tiêu hoạt động, mục tiêu quản lý của doanh nghiệp và đảm bảo tuân thủ quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ hiện hành.

KẾT LUẬN

Trong những năm gần đây, nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh, nhằm giúp cho các doanh nghiệp và người quan tâm đến công tác kế toán thuận tiện trong việc nghiên cứu, áp dụng vào thực tiễn, Việt Nam đã có những bước tiến chủ động đổi mới về việc ban hành hệ thống kế toán với các chính sách kế toán cụ thể nhằm đảm bảo các đơn vị, tổ chức thực hiện nghiêm túc tính trung thực, hợp lý về thông tin trình bày cũng như trách nhiệm đối với nước nhà trong công cuộc đổi mới.

Luận văn tập trung tìm hiểu, nghiên cứu các chính sách kế toán vận dụng tại công ty TNHH Việt Đức. Dựa vào quy định về chuẩn mực và chế độ kế toán ban hành, lập luận làm sáng tỏ những mặt ưu và hạn chế còn tồn đọng trong việc vận dụng chính sách kế toán trình bày báo cáo tài chính tại Công ty trên cơ sở tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Qua đó, luận văn đề xuất một số giải pháp về chính sách kế toán hợp lý phù hợp với đặc điểm, mục tiêu quản lý hoạt động của Công ty trong giai đoạn phát triển của Công ty để gia nhập vào thị trường chứng khoán.

Với các nội dung trình bày trong luận văn, các giải pháp đề xuất, tác giả mong muốn góp phần trong việc hoàn thiện chính sách kế toán tại công ty TNHH Việt Đức.

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO